

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HÓA THƯỢNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật NSNN ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/7/23 của HĐND thị trấn về dự toán thu chi ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Ban Tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán Ngân sách năm 2022 của thị trấn Hóa Thượng, nội dung cụ thể như sau:

(Theo các biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ban Tài chính thị trấn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy - HĐND thị trấn;
- Các Đoàn thể;
- Các TTDP;
- Lưu: VPUBND

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Huy

Nguyễn Minh Huy

CÁN ĐÓI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	11.962.511.639	TỔNG SỐ CHI	11.457.374.922
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	194.235.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.737.462.450
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	587.746.203	II. Chi thường xuyên	6.202.943.919
III. Thu bổ sung	8.410.620.720	III. Chi chuyển nguồn ngân sách	1.150.378.869
- Bổ sung cân đối	4.860.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	366.589.684
- Bổ sung có mục tiêu	3.550.620.720		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	168.298.000		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu hồi các khoản chi năm trước			
VII. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	2.601.611.716		
Kết dư ngân sách	505.136.717		

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Ngô Kiều Trang

Ngày tháng năm 2023
 TM.UBND xã, phường, thị trấn
 Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH
 Nguyễn Minh Huy



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		(% So sánh)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng thu ngân sách xã	4.960.000.000	5.510.000.000	18.857.163.728	11.962.511.639	380	217
A	Thu ngân sách xã đã qua kho bạc	4.960.000.000	5.510.000.000	18.857.163.728	11.962.511.639	380	217
I	Các khoản thu 100%	230.000.000	230.000.000	195.896.678	194.235.000	85	84
1	Phí, lệ phí	210.000.000	210.000.000	189.216.000	189.216.000	90	90
1.1	Phí chứng thực	125.000.000	125.000.000	99.907.000	99.907.000	80	80
1.2	Lệ phí hộ tịch	15.000.000	15.000.000	22.300.000	22.300.000		
1.3	Lệ phí môn bài	70.000.000	70.000.000	66.000.000	66.000.000	94	94
1.4	Lệ phí cư trú			1.009.000	1.009.000		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản						
3	Thu kết dư ngân sách năm trước						
4	Thu khác	20.000.000	20.000.000	6.680.678	5.019.000	33	25
4.1	Thu phạt ở xã,	20.000.000	20.000.000	6.680.678	5.019.000	33	25
4.2	Thu chậm nộp						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.730.000.000	420.000.000	7.457.570.564	587.746.203	158	140
	Các khoản thu phân chia (1)	820.000.000	0	1.623.120.838	0		
1	Thuế thu nhập cá nhân	3.110.000.000	0	5.347.335.844	0	172	
1.1	- Thuế TNCN từ CQSD đất	2.710.000.000		5.085.416.236		188	
1.2	- Thuế TNCN từ SXKD	400.000.000		261.919.608		65	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000.000	20.000.000	148.831.075	148.831.075	744	744
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0		
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	800.000.000	160.000.000	1.474.289.763	294.857.990	184	184
5	Thuế VAT - TNDN	800.000.000	240.000.000	480.190.436	144.057.138	60	60
5.1	- Thuế giá trị gia tăng	800.000.000	240.000.000	480.190.436	144.057.138	60	60
5.2	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt			6.923.446			
7	Nộp trả cấp trên	0		23.166.050			
III	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên		4.860.000.000	8.410.620.720	8.410.620.720		173
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên		4.860.000.000	4.860.000.000	4.860.000.000		
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	0	0	3.550.620.720	3.550.620.720		
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		0		0		
V	Thu chuyển nguồn			2.601.611.716	2.601.611.716		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước	0	0	168.298.000	168.298.000		
B	Thu ngân sách xã chưa qua kho bạc						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng



Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	5.510.000.000		5.364.000.000	11.457.374.922	3.737.462.450	7.719.912.472	207,94		143,92
* Tiết kiệm chi	69.000.000		69.000.000						
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	858.836.000		858.836.000	857.314.159		857.314.159	99,823		99,823
- Chi dân quân tự vệ	470.452.000		470.452.000	481.712.159		481.712.159	102,39		102,39
- Chi trật tự an toàn xã hội	356.384.000		356.384.000	375.602.000		375.602.000	105,39		105,39
2. Chi giáo dục				382.600.000	382.600.000				
3. Chi y tế	75.096.000		75.096.000	84.147.750		84.147.750	112,05		112,05
4. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	373.250.000	318.300.000	54.950.000	1066,4		157
5. Chi phát thanh, truyền hình									
6. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	24.900.000		24.900.000	99,6		99,6
7. Chi các hoạt động kinh tế	30.000.000		30.000.000	1.834.540.790	1.679.262.450	155.278.340	6115,1		517,59
- Giao thông			0	560.350.800	560.350.800				
- Nông - lâm nghiệp	10.000.000		10.000.000	80.324.340		80.324.340	803,24		803,24
- Thủy lợi	20.000.000		20.000.000	1.193.865.650	1.118.911.650	74.954.000	5969,3		374,77
8. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.245.812.000		4.245.812.000	6.293.121.670	1.357.300.000	4.935.821.670	148,22		116,25
Trong đó: Quỹ lương				3.745.203.439		3.745.203.439			
8.1. Quản lý Nhà nước	2.586.753.000		2.586.753.000	4.176.721.538	1.357.300.000	2.819.421.538	161,47		108,99
8.2. Hội đồng nhân dân	387.981.000		387.981.000	387.588.030		387.588.030	99,899		99,899
8.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	720.487.000		720.487.000	720.392.788		720.392.788	100,0		100,0
8.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	455.000.000		455.000.000	454.642.037		454.642.037	99,921		99,921
8.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	108.436.000		108.436.000	110.532.479		110.532.479	101,93		101,93
8.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	111.174.000		111.174.000	110.262.782		110.262.782	99,18		99,18
8.7. Hội Cựu chiến binh	82.883.000		82.883.000	84.990.398		84.990.398	102,54		102,54
8.8. Hội Nông dân	89.719.000		89.719.000	89.711.788		89.711.788	99,992		99,992
8.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.456.000		24.456.000	27.556.000		27.556.000	112,68		112,68
8.10. Hội Người cao tuổi	29.105.000		29.105.000	111.004.800		111.004.800	381,39		381,39
8.11. Hội khuyến học	18.092.000		18.092.000	18.092.000		18.092.000	100		100
8.12. Chi các hội khác	57.276.000		57.276.000	52.276.000		52.276.000	91,27		91,27
9. Chi cho công tác xã hội	78.256.000		78.256.000	78.256.000		78.256.000	100		100
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	68.256.000		68.256.000	68.256.000		68.256.000	100		100
- Công tác XH khác	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000			
10. Chi khác (Khen thưởng) + Đội CT XH	48.000.000		48.000.000	48.000.000		48.000.000			
11. Dự phòng	77.000.000			45.332.000		45.332.000			
12. Nộp trả NS cấp trên				366.589.684		366.589.684			
13. Chuyển nguồn ngân sách				1.150.378.869		1.150.378.869			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán lũy kế năm trước	Chia theo nguồn vốn
						Nguồn NSNN	Nguồn đóng góp
I. Công trình chuyển tiếp		2.469.406.340	0	759.874.850	759.874.850	759.874.850	0
1. Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu thoát nước thải xóm Ấp Thái xã Hoà Thượng	2021	883.595.346		350.994.650	350.994.650	350.994.650	
2. Đường bê tông xóm Việt Cường	2021	209.139.024		55.459.200	55.459.200	55.459.200	
3. Đường bê tông xóm Văn Hữu	2021	587.469.168		78.872.400	78.872.400	78.872.400	
4. Đường bê tông xóm Hưng Thái	2021	339.865.801		79.264.800	79.264.800	79.264.800	
5. Đường bê tông xóm Trường Quán	2020	297.651.045		155.782.800	155.782.800	155.782.800	
6. Đường bê tông xóm Gò Cao	2021	151.685.956		39.501.000	39.501.000	39.501.000	
II. Công trình khởi công mới		4.799.793.785	0	2.977.587.600	2.977.587.600	2.977.587.600	
1. Cải tạo, sửa chữa nhà Đoàn thể 2 tầng UBND xã Hoà Thượng	2022	748.130.115		402.300.000	402.300.000	402.300.000	
2. Cải tạo, nâng cấp mái vòm Trường Mầm non số 2 Hoà Thượng	2022	280.388.563		201.300.000	201.300.000	201.300.000	
3. Xây dựng mương thoát nước thải khu dân cư xóm Hưng Thái	2022	1.200.000.000		600.000.000	600.000.000	600.000.000	
4. Sửa chữa mương tiêu nước thải xóm Hưng Thái, xã Hoà Thượng	2022	95.569.154		93.229.000	93.229.000	93.229.000	
5. Nâng cấp cải tạo mương thoát nước thải + nước mưa trụ sở UBND xã Hoà Thượng	2022	80.693.169		74.688.000	74.688.000	74.688.000	
6. Cải tạo trụ sở, khuôn viên hàng rào UBND xã Hoà Thượng	2022	1.156.196.274		955.000.000	955.000.000	955.000.000	
7. Cải tạo, sửa chữa nhà chức năng và các phòng học trường Mầm non số 1 Hoà Thượng	2022	234.174.353		181.300.000	181.300.000	181.300.000	
8. Nâng cấp nhà văn hoá xóm, công trình phụ trợ xóm Trường Quán xã Hoà Thượng	2022	417.511.963		318.300.000	318.300.000	318.300.000	
9. Đường bê tông xóm Trường Quán xã Hoà Thượng	2022	137.813.519		35.616.060	35.616.060	35.616.060	
10. Đường bê tông xóm Việt Cường xã Hoà Thượng	2022	222.646.282		59.769.480	59.769.480	59.769.480	
11. Đường bê tông xóm Hưng Thái xã Hoà Thượng	2022	63.655.533		15.419.980	15.419.980	15.419.980	
12. Đường bê tông xóm Luông	2022	163.014.860		40.665.080	40.665.080	40.665.080	
Tổng cộng		7.269.200.125	0	3.737.462.450	3.737.462.450	3.737.462.450	

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022		Thực hiện năm 2022			Dự cuối năm	
		Thu	Chi	Chênh lệch	Dư đầu năm	Thu		Chi
1	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	232.000.000	192.200.000	39.800.000	230.446.200	231.780.000	221.456.842	240.769.358
-	Quỹ an ninh quốc phòng				90.000	-	-	90.000
-	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	120.000.000	110.000.000	10.000.000	71.250.000	120.550.000	115.556.842	76.243.158
-	Quỹ Bảo trợ trẻ em	25.000.000	21.000.000	4.000.000	12.554.500	24.990.000	27.000.000	10.544.500
-	Quỹ Vì người nghèo	25.000.000	20.000.000	5.000.000	70.114.700	24.990.000	10.000.000	85.104.700
-	Quỹ nhân đạo	25.000.000	20.000.000	5.000.000	42.330.000	24.990.000	38.300.000	29.020.000
-	Quỹ người cao tuổi	25.000.000	20.000.000	5.000.000	30.188.000	24.990.000	17.500.000	37.678.000
-	Quỹ Khuyến học	12.000.000	1.200.000	10.800.000	3.919.000	11.270.000	13.100.000	2.089.000
2	Hoạt động tài chính khác	-	-	-	385.112.378	133.481.227	163.554.028	355.039.577
-	Thu xây dựng đền thờ liệt sĩ				345.805.000			345.805.000
-	Thu hộ chi hộ khác				39.307.378	133.481.227	163.554.028	9.234.577
	Tổng cộng	232.000.000	192.200.000	39.800.000	615.558.578	365.261.227	385.010.870	595.808.935

zCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hóa Thượng, ngày tháng năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH XÃ HÓA THƯỢNG NĂM 2022

I. CÔNG TÁC THU NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách nhà nước: 18.857.163.728đ

2. Thu ngân sách xã: 11.962.511.639đ

Trong đó:

- Thu trong cân đối: 781.981.203đ

+ Một số khoản vượt thu dự toán:

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 148.831.075đ/20.000.000đ

Lệ phí trước bạ nhà đất: 294.857.990đ/160.000.000đ

+ Một số khoản thu bị giảm:

Phí chứng thư, chứng thực, hộ tịch: 123.216.000đ/140.000.000đ

Phí môn bài: 66.000.000đ/70.000.000đ

Thu phạt tại xã: 5.019.000đ/20.000.000đ

Thuế GTGT: 144.057.000đ/240.000.000đ

- Thu bổ sung ngân sách: 8.410.620.720đ

+ Thu bổ sung cân đối: 4.860.000.000đ

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 3.550.620.720đ

Trong đó:

* Chúc thọ: 83.000.000đ

* Chi Đại hội Đoàn cấp cơ sở nhiệm kỳ 2022-2027: 5.000.000đ

* Thủy lợi phí: 55.000.000đ

* Chi hỗ trợ đối với người đã hoàn thành cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid 19 (F1) theo NQ số 96,126, Quyết định số 23,33 của Thủ tướng Chính phủ: 85.600.000đ

* Đại hội Hội Cựu chiến binh cấp cơ sở nhiệm kỳ 2022-2027: 9.000.000đ

* Kp chi hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên cơ sở theo NQ số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 26.820.000đ

* Nộp trả kinh phí hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên cơ sở theo NQ số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh do không thực hiện hết nhiệm vụ chi: 8.940.000đ

* Chi cho chủ vật nuôi có gia súc buộc tiêu hủy do bệnh Viêm da nổi cục và bệnh Dịch tả lợn Châu phi: 15.435.000đ

* KP tăng thêm thực hiện chế độ, chính sách do tỉnh ban hành: 73.573.000đ

* KP người hoạt động KCT ở cấp xã, ở xóm, tổ dân phố đôi dư hưởng chính sách hỗ trợ theo NQ số 05/2020/NQ-HĐND: 76.250.750đ

* KP thực hiện nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 6 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg: 92.190.000đ

* Hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng theo NQ số 17/2022/NQ-HĐND tỉnh: 5.000.000đ

* KP phục vụ phòng chống dịch theo NQ 16/NQ-CP: 19.800.000đ

* Chi hỗ trợ thiệt hại nông nghiệp, nhà ở ngày 30/5-31/5 năm 2022 trên địa bàn các xã, thị trấn: 21.676.000đ

* KP hỗ trợ KP đăng ký, cấp GCNQSD đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân quý III/2020; quý I, II, III, IV/2021; quý 1,2,3/2022: 74.365.170đ

* KP hỗ trợ công tiêm phòng chống dịch Covid 19 năm 2022: 46.500.000đ

* KP hỗ trợ cho các thành viên tổ nhập dữ liệu hộ tịch trên nền tảng CSDLQG: 42.000.000đ

* KP đầu tư chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2022 huyện Đồng Hỷ: 1.668.000.000đ;

* KP chi cho các công trình XD CB của các xã: 600.000.000đ

* KP mua xi măng XDKCHT nông thôn mới: 560.350.800đ

Năm 2022 UBND xã đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý thu ngân sách, động viên các đơn vị doanh nghiệp trên địa bàn tích cực khai thác triệt để các nguồn lực để tăng doanh thu và có trách nhiệm đóng góp đầy đủ kịp thời các khoản thuế cho ngân sách xã;

- Thu chuyên nguồn ngân sách: 2.601.611.716đ

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 168.298.000đ

II. CÔNG TÁC CHI NGÂN SÁCH

- Tổng chi ngân sách xã: 11.457.374.922đ

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 3.737.462.450đ

UBND đã thực hiện thanh toán các công trình: Cải tạo, sửa chữa nhà đoàn thể 2 tầng UBND xã, Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu thoát nước thải xóm Ấp Thái, cải tạo nâng cấp mái vòm trường MN số 2 Hóa Thượng, Cải tạo trụ sở khuôn viên,

+ Chi thường xuyên: 7.719912.472đ

Trong năm UBND xã Hóa Thượng đã điều hành thực hiện chi dự toán ngân sách cơ bản đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, đảm bảo theo Luật ngân sách Nhà nước, đáp ứng kịp thời đầy đủ các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức và phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách... Các bộ phận sử dụng ngân sách đảm bảo chi theo dự toán.

Các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên được chi kịp thời đúng mục đích và hiệu quả;

Năm 2022 công tác quản lý và điều hành ngân sách đảm bảo theo Luật ngân sách nhà nước và chính sách chế độ theo quy định hiện hành, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương;

- Chi chuyển trả ngân sách cấp trên: 366.589.684đ

- Chi chuyển nguồn: 1.150.378.869đ

Trong đó:

+ Chi trả nợ CT: Nâng cấp nhà văn hóa và các công trình phụ trợ xóm Tướng Quân: 49.700.000đ

+ Chi trả nợ CT: Cải tạo nhà chức năng và các phòng học trường MN số 1 Hóa Thượng: 18.700.000đ

+ Chi trả nợ CT: Cải tạo trụ sở khuôn viên hàng rào UBND xã HT: 145.000.000đ

+ Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 897.384.508đ

+ Thực hiện an sinh xã hội: 39.594.361đ

- Kết dư ngân sách năm 2022: 505.136.717đ

Trong đó:

Thu đóng góp xây dựng: 117.298.000đ

DP ngân sách: 31.688.800đ

Nguồn khác: 4.037.201đ

KP tiền đất được trích lại theo NQ-HĐND: 352.112.716đ

III. TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
I. Các khoản phải thu				
II. Các khoản phải trả				
III. Các khoản thu hộ, chi hộ	39.307.378	133.481.227	163.554.028	9.234.577
1. Các khoản thu hộ				
2. Các khoản chi hộ	39.307.378	133.481.227	163.554.028	9.234.577

Còn dư 9.234.577 đồng là tiền hợp đồng ủy nhiệm thu thuế đất phi nông nghiệp;

IV. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TSCĐ

TSCĐ tăng trong năm do được cấp trên cấp để XD một số công trình xây dựng: Nâng cấp nhà văn hóa xóm, công trình phụ trợ xóm Tướng Quân xã Hóa Thượng, Cải tạo, sửa chữa nhà chức năng và các phòng học trường MN số 1 Hóa Thượng, Cải tạo, trụ sở khuôn viên hàng rào UBND xã Hóa Thượng, Xây dựng mương thoát nước thải khu dân cư xóm Hưng Thái xã Hóa Thượng, làm đường bê tông nông thôn. Tăng 4 máy tính; Trong đó: 3 máy tính cho bộ phận 1 cửa; 1 máy tính được tiếp nhận từ cấp trên cho bộ phận Kế toán.

V. Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ, PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI PHÁP

Để hoàn thành tốt kế hoạch thu, chi ngân sách cần thực hiện tốt các giải pháp:

1. Về thu ngân sách:

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong nhân dân, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí, Rà soát các nguồn thu phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước.

2. Về chi ngân sách

Đảm bảo chế độ chi cho con người, thanh toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ chính sách và đúng đối tượng đảm bảo chi tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Huy